

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Kế hoạch thực hiện

**Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3458/QĐ-BNN-TCLN ngày 03/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 188/TTr-SNN ngày 03/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K13 (30b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

KẾ HOẠCH**Thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định**
*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)*

Thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 3458/QĐ-BNN-TCLN ngày 03/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định với các nội dung sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Tỉnh Bình Định thuộc khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, có diện tích tự nhiên 607.151,73 ha; trong đó diện tích rừng 340.166,47 ha (Rừng tự nhiên 215.295,18 ha, rừng trồng 124.871,29 ha). Trong đó diện tích có rừng thuộc quy hoạch 3 loại rừng 311.275,01 ha (rừng tự nhiên 214.962,77 ha; rừng trồng 96.312,24 ha), diện tích có rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng 28.891,46 ha (rừng tự nhiên 332,41 ha; rừng trồng 28.559,05 ha); diện tích chưa có rừng 76.465,78 ha (mới trồng chưa thành rừng 39.218,96 ha; đất chưa có rừng trong 3 loại rừng 37.183,82 ha). Độ che phủ của rừng năm 2020 là 56,03%. Công tác bảo vệ, phát triển rừng được Đảng, Nhà nước và các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở quan tâm chỉ đạo; các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng đã được ban hành kịp thời, khá đầy đủ làm cơ sở thực hiện công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp.

Thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định góp phần đẩy mạnh xã hội hóa lâm nghiệp, thu hút các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội và người dân tham gia phát triển lâm nghiệp bền vững, giải quyết việc làm cho bộ phận lớn lao động địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường và giữ gìn cân bằng sinh thái; Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định được lồng ghép với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương

trình, dự án khác trên địa bàn góp phần nâng cao hiệu quả quá trình cơ cấu lại ngành lâm nghiệp.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hoá các nhiệm vụ, định hướng và giải pháp trong Chiến lược; triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách cần ưu tiên thực hiện Chiến lược; xây dựng các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đồng bộ, kịp thời, thống nhất.

b) Triển khai thực hiện hiệu quả, có chất lượng, nâng cao trách nhiệm, sự chủ động của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Chiến lược.

2. Yêu cầu

a) Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phải đảm bảo đầy đủ nội dung, cụ thể hoá các định hướng và giải pháp của Chiến lược đến các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố nhằm tạo đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện Chiến lược.

b) Trên cơ sở nội dung định hướng, giải pháp của Chiến lược, Kế hoạch thực hiện Chiến lược của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Kế hoạch này, Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng các nội dung công việc cụ thể, chi tiết; đồng thời, tổ chức thực hiện hiệu quả nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng, giải pháp của Kế hoạch thực hiện Chiến lược của UBND tỉnh.

c) Tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, các nội dung công việc thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, thường xuyên; đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững, hiệu quả đối với toàn bộ diện tích rừng hiện có và diện tích rừng được tạo mới; thực hiện hiệu quả các dự án về bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng sinh học, góp phần giảm thiểu tác hại do thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; quản lý chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với phát triển kinh tế, ổn định xã hội và bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái, góp phần tạo việc làm, thu nhập cho người làm nghề rừng.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Về kinh tế:

- Phân đầu đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp từ 5,0% đến 5,5%/năm.

- Trồng rừng tập trung bình quân đạt 8.000 ha/năm; trong đó:

- + Trồng rừng sản xuất: 7.840 ha/năm ha.

- + Trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: 160 ha/năm.

- Sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng bình quân đạt 1 triệu m³/năm.

- Nâng cao chất lượng rừng tự nhiên; nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng bằng các biện pháp thâm canh rừng trồng sản xuất, sử dụng cây giống nuôi cấy mô, cây giống bản địa, cây giống lâm nghiệp mới, chất lượng cao phục vụ trồng rừng cây gỗ lớn; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng, diện tích rừng được cấp mới chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) khoảng 10.000 ha giai đoạn 2021-2025 và 10.000 ha giai đoạn 2026-2030.

- Diện tích rừng trồng gỗ lớn đến năm 2025 đạt 10.000 ha; đến năm 2030 đạt 20.000 ha.

- Phân đầu đến năm 2025, giá trị thu nhập từ rừng trồng sản xuất tăng bình quân khoảng 1,5 lần và đến năm 2030 tăng 2 lần/đơn vị diện tích so với năm 2020.

b) Về xã hội:

- Thông qua các hoạt động sản xuất lâm nghiệp thu hút lực lượng lao động tham gia như: Bảo vệ rừng, chăm sóc rừng, khai thác rừng, trồng rừng, nông lâm kết hợp, kinh doanh chế biến lâm sản, gây nuôi động vật hoang dã, du lịch sinh thái..., tạo thêm việc làm cho người lao động, góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống một bộ phận dân cư, ổn định tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội.

- Cải thiện sinh kế của cộng đồng hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực lâm nghiệp. Đến năm 2025, mức thu nhập bình quân của người làm lâm nghiệp tăng 1,5 lần/đơn vị diện tích so với năm 2020 và đến năm 2030 tăng 02 lần/đơn vị diện tích so với năm 2020.

c) Về môi trường:

- Tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh duy trì ổn định ở trên 58%, đóng góp hiệu quả vào việc thực hiện cam kết giảm phát thải khí nhà kính do quốc gia tự quyết định, góp phần xây dựng một Việt Nam xanh.

- Đến năm 2030, 100% diện tích rừng của các chủ rừng là tổ chức được quản lý bền vững; giai đoạn 2021-2025 có 10% và giai đoạn 2026-2030 có 20% diện tích rừng tự nhiên được nâng cấp chất lượng; nâng cao hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học và năng lực phòng hộ của rừng; giảm thiểu tối đa các vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, đảm bảo an ninh môi trường.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, ngành lâm nghiệp thực sự trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao; phát huy hiệu quả tiềm năng

và lợi thế của tài nguyên rừng; công nghệ hiện đại và thân thiện môi trường; tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ đa dạng, giá trị gia tăng cao, tham gia sâu rộng trong chuỗi cung ứng giá trị toàn cầu; đóng góp ngày càng nhiều cho sự phát triển bền vững của tỉnh.

Về kinh tế: Phát triển lâm nghiệp bền vững, phát huy hiệu quả tiềm năng và lợi thế của tài nguyên rừng, phấn đấu trở thành một trong những trung tâm sản xuất, chế biến và thương mại lâm sản hàng đầu của cả nước với công nghệ hiện đại; đóng góp ngày càng tăng cao vào phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Về xã hội: Góp phần quan trọng vào xây dựng đất nước Việt Nam an toàn và thịnh vượng; nông thôn mới giàu, đẹp và văn minh trên cơ sở cải thiện sinh kế, phát triển kinh tế xanh gắn với tài nguyên rừng, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống và không gian sinh tồn của đồng bào các dân tộc thiểu số; bảo đảm giữ vững quốc phòng, an ninh.

Về môi trường: Quản lý bền vững rừng, bảo tồn lâu dài tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo đảm an ninh môi trường, an ninh nguồn nước, chống suy thoái đất đai, giảm thiểu tác động tiêu cực của thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, cung ứng dịch vụ môi trường rừng; tham gia tích cực, có trách nhiệm và thực hiện đầy đủ các cam kết đã ký kết tham gia.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến triển khai thực hiện Kế hoạch

Triển khai quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã, mọi tầng lớp nhân dân có liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tạo sự chuyển biến rõ nét về nhận thức, trách nhiệm và hành động trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, góp phần giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách đã ban hành; rà soát, đề nghị điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới các chính sách

a) Tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành; Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp.

b) Tổ chức rà soát các hoạt động lâm nghiệp của tỉnh để đề xuất ban hành chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư đặc thù, nhằm tạo động lực phát triển kinh tế, ổn định xã hội và đảm bảo an toàn môi trường, huy động đa dạng các nguồn lực cho phát triển lâm nghiệp nói chung và phát triển lâm nghiệp gắn với giảm nghèo bền vững ở các vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc thiểu số nói riêng.

c) Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định chính sách hỗ

trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2019-2025.

d) Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và ban hành Chính sách hỗ trợ phát triển trồng rừng cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2022-2026.

3. Triển khai thực hiện quy hoạch lâm nghiệp quốc gia; chương trình, đề án, phương án, dự án, kế hoạch phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh

a) Quy hoạch lâm nghiệp:

- Rà soát, cung cấp số liệu quy hoạch, kế hoạch lâm nghiệp tỉnh Bình Định để tích hợp, xây dựng, triển khai hiệu quả quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch rừng để thiết lập lâm phần ổn định, phù hợp với các mục tiêu, nội dung định hướng trong Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Triển khai Tiểu Dự án Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

c) Xây dựng, triển khai hiệu quả Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; giai đoạn 2026-2030.

d) Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020-2025 tại Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4547/QĐ-UBND ngày 15/11/2021.

đ) Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, phương án về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt như: Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035; xây dựng và thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030.

e) Đầu tư hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm phục vụ cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; thường xuyên tổ chức tập huấn nhằm trang bị kiến

thức, kỹ năng về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng cho các ngành, địa phương và các chủ rừng.

g) Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mô hình trồng cây lâm sản dưới tán rừng, nhằm góp phần nâng cao thu nhập cho người dân sống gần rừng và nâng cao nhận thức trong công tác quản lý, bảo vệ rừng.

4. Tổ chức triển khai hiệu quả hoạt động sản xuất lâm nghiệp

Tổ chức triển khai hiệu quả các hoạt động sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi: Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng; phát triển rừng; sử dụng rừng; chế biến và thương mại lâm sản, cụ thể:

a) Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng

- Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng hiện có; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng, trong đó: đối với rừng đặc dụng đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ động vật, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên chú trọng công tác bảo vệ rừng, phát triển dịch vụ môi trường rừng và các mô hình phát triển nông lâm kết hợp; thực hiện các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng (REDD+); nâng độ che phủ rừng đến năm 2025 đạt trên 58% và duy trì ổn định đến năm 2030.

- Hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích ngoài lâm nghiệp; hoàn thành việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, bảo đảm tất cả diện tích rừng và đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp phải được giao, cho thuê đến những chủ rừng thực sự; đảm bảo đủ các điều kiện để tổ chức quản lý bảo vệ rừng và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

- Đẩy mạnh gắn kết giữa bảo tồn và phát triển với sự tham gia tích cực của các bên liên quan trong quản lý rừng như: Xây dựng các mô hình gắn kết cộng đồng địa phương tham gia và chia sẻ lợi ích công bằng vào công tác quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ nhằm giảm xung đột và nâng cao hiệu quả quản lý; đẩy mạnh cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững; tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách và hướng dẫn kỹ thuật về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; có hướng dẫn riêng cho các nhóm đối tượng khác nhau như: Cá nhân, hộ gia đình, nhóm hộ, cộng đồng...; tăng cường nâng cao năng lực cho các bên liên quan về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.

- Tăng cường năng lực quản trị rừng cho các chủ rừng thông qua việc thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá tài nguyên rừng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS), công nghệ thông tin trong quản lý lĩnh vực lâm nghiệp; điều tra, đánh giá tài nguyên rừng; phát triển lâm nghiệp cộng đồng, gắn với bản sắc văn hóa truyền thống, lấy người dân làm trung tâm.

Nâng cao năng lực để các chủ rừng quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hiệu quả, đến năm 2030, 100% các chủ rừng là tổ chức có đủ năng lực theo dõi, giám sát, quản lý tài nguyên rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

b) Phát triển rừng

- Phát triển vùng rừng trồng cung cấp nguyên liệu tập trung, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư vào phát triển rừng thông qua các cơ chế, chính sách khuyến khích đất đai, tín dụng, bảo hiểm, thuế, thị trường. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 2440/QĐ-UBND ngày 19/7/2018; theo đó đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định có 10.000 ha rừng trồng sản xuất gỗ lớn và đến năm 2035, diện tích rừng trồng gỗ lớn của tỉnh đạt 30.000 ha.

- Phục hồi rừng tự nhiên bằng các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, nuôi dưỡng và làm giàu rừng; phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ theo hướng sản xuất hàng hóa.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp, ưu tiên phát triển giống được sản xuất từ nuôi cấy mô, hom để trồng rừng sản xuất; phân đấu tỷ lệ cây giống lâm nghiệp cung cấp cho trồng rừng được kiểm soát nguồn gốc giống đạt trên 95%.

- Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng sản xuất theo hướng tối ưu hóa hệ thống sản xuất và chuỗi giá trị lâm sản thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ; tổ chức quản lý, khai thác hiệu quả, bền vững đối với 100% diện tích rừng sản xuất là rừng trồng; năng suất rừng trồng thâm canh giống mới trung bình 25 m³/ha/năm.

- Phát triển hệ thống rừng đặc dụng, bảo tồn và phát huy giá trị nguồn gen cây rừng, tài nguyên rừng và đa dạng sinh học, đáp ứng yêu cầu duy trì cân bằng sinh thái và phát triển lâm nghiệp bền vững. Đánh giá, tư liệu hóa tài nguyên đa dạng sinh học phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và cung cấp nguồn vật liệu cho lai tạo giống, phát triển rừng trồng, tạo sản phẩm mới, thương hiệu mới; nâng cao khả năng cạnh tranh trong xu thế hội nhập quốc tế.

- Duy trì và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ đầu nguồn, chắn gió, chắn cát bay và chống xói lở bờ biển để giảm thiểu tác hại do thiên tai, cải thiện môi trường, giảm phát thải; tăng hấp thụ các-bon, cung ứng dịch vụ môi trường rừng, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu.

- Nhà nước đầu tư phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, môi trường, đồng thời tạo tiền đề thu hút và hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia phát triển rừng; ưu tiên phát triển rừng phòng hộ

đầu nguồn, ven biển nhằm phòng, chống và giảm nhẹ tác động tiêu cực của thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh nhằm mục đích vừa cung cấp gỗ và nguyên liệu cho sản xuất và tiêu dùng, vừa phòng hộ bảo vệ môi trường, cải thiện cảnh quan (tại các đô thị, vùng nông thôn, công sở, trường học,...) và ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đất nước; theo đó, đến năm 2025 tổng diện tích trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh là 11.027.403 cây (trồng cây phân tán: 9.115.500 cây; trồng rừng tập trung: 1.911.903 cây).

c) Sử dụng rừng

- Tiếp tục thực hiện chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên đến năm 2030, không khai thác gỗ từ rừng tự nhiên; có cơ chế, chính sách để hạn chế khai thác sử dụng gỗ non từ rừng trồng còn ít tuổi, đang trong thời kỳ sinh trưởng mạnh, khuyến khích trồng rừng gỗ lớn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho chế biến gỗ và lâm sản.

- Phát huy tối đa các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu, tái đầu tư cho phát triển lâm nghiệp; đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái; khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng rừng bền vững, chế biến các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ bằng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường.

- Nghiên cứu phương án khai thác hợp lý rừng phòng hộ là rừng trồng sau năm 2025, để vừa đảm bảo chức năng phòng hộ, vừa cung cấp nguyên liệu gỗ lớn và lâm sản ngoài gỗ cho sản xuất và tiêu dùng; tiếp tục khoanh nuôi, cải tạo và làm giàu rừng tự nhiên là rừng sản xuất để nâng cao chất lượng, tạo nguồn cung cấp gỗ, lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ môi trường rừng sau năm 2030.

- Sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học, các nguồn gen, loại sinh vật và hệ sinh thái rừng; đẩy mạnh gây trồng, sử dụng lâm sản ngoài gỗ, tập trung vào nhóm sản phẩm có thể mạnh, có giá trị kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế của các vùng miền như mây tre, dược liệu,... Có cơ chế, chính sách để chủ rừng được quản lý, khai thác, phát triển và sử dụng bền vững lâm sản ngoài gỗ.

- Tiếp tục xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT đối với các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng trên địa bàn tỉnh. Diện tích rừng xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 dự kiến là 182.711,42 ha. Giai đoạn 2021-2030, có thêm 20.000 ha rừng được cấp mới chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

d) Phát triển công nghiệp chế biến, thương mại lâm sản

- Phát triển các khu công nghiệp chế biến lâm sản công nghệ cao, hiện đại tiên tiến, thay thế những máy móc, công nghệ cũ, lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường đối với những cơ sở chế biến đang hoạt động; cương quyết không sử dụng công nghệ cũ, lạc hậu đối với những cơ sở chế biến được đầu tư, xây dựng mới. Phát triển các cơ sở phụ trợ như: thiết bị chế biến gỗ, keo, sơn phủ bề mặt, phụ kiện,...

- Tăng tỷ trọng các sản phẩm chế biến sâu. Tập trung phát triển các mặt hàng sản phẩm có ưu thế cạnh tranh cao và bền vững, như: đồ gỗ nội thất, đồ mộc mỹ nghệ và sản phẩm tinh chế từ lâm sản ngoài gỗ (*mây, tre, dược liệu...*). Đẩy mạnh chế biến ván nhân tạo đảm bảo chất lượng để cung ứng cho nhà máy sản xuất đồ gỗ nội thất, giảm dần chế biến dăm gỗ xuất khẩu. Khuyến khích sử dụng các sản phẩm từ ván nhân tạo và gỗ từ rừng trồng; tập trung phát triển sản xuất, chế biến sâu các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ có giá trị, thế mạnh của từng vùng.

- Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản gắn với quá trình cơ cấu lại lĩnh vực lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế; phát triển đồng bộ các khâu của chuỗi giá trị lâm sản từ sản xuất, khai thác, chế biến đến tiêu thụ phù hợp với quy mô, trình độ sản xuất và đặc điểm, lợi thế của từng ngành hàng, từng vùng; gắn với phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung.

đ) Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

Hình thành các mô hình liên kết, chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ; hỗ trợ các đơn vị liên kết với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân để xây dựng chuỗi liên kết từ khâu sản xuất cây giống đến trồng rừng, chăm sóc rừng và khai thác, tiêu thụ, chế biến lâm sản xuất khẩu.

5. Bố trí, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển lĩnh vực lâm nghiệp

a) Đa dạng nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện Kế hoạch, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định. Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn thực hiện Kế hoạch.

b) Cân đối bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho ngành lâm nghiệp theo các cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn thực hiện Kế hoạch.

c) Hướng dẫn quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho lĩnh vực lâm nghiệp theo các cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn thực hiện Kế hoạch.

6. Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đồng bộ, hiện đại hóa lĩnh vực lâm nghiệp

a) Phát triển hệ thống đường lâm nghiệp gắn kết với tuyến đường phục vụ công tác tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng kết hợp phục vụ du lịch sinh thái, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân cũng như phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp kết hợp của người dân trong khu vực.

b) Tăng cường nâng cao năng lực, cơ sở vật chất cho việc theo dõi, giám sát tài nguyên rừng; trang thiết bị và các công trình phòng cháy, chữa cháy rừng.

c) Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng logistics, kho bãi phục vụ phát triển sản xuất, bảo quản và chế biến lâm sản.

7. Phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ và khuyến lâm

a) Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, chế biến sâu, tiết kiệm nguyên liệu; khuyến khích phát triển các vật liệu mới thay thế gỗ, kết hợp gỗ nhựa, gỗ kim loại,...

b) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (GIS, Mapinfo) cho lực lượng Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng để phục vụ công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn toàn tỉnh.

8. Tổ chức sản xuất kinh doanh, tăng cường năng lực trong công tác quản lý, đào tạo nguồn nhân lực

a) Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý lĩnh vực lâm nghiệp; tăng cường lực lượng kiểm lâm địa bàn và lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, ưu tiên khu vực trọng điểm về phá rừng, khai thác và vận chuyển lâm sản trái pháp luật.

b) Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và các tổ chức đào tạo thực hiện hợp tác và hỗ trợ trong đào tạo, nâng cao kỹ năng cho lao động của doanh nghiệp.

c) Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty lâm nghiệp; phát triển lâm nghiệp hộ gia đình, trang trại, cộng đồng dân cư thôn và hợp tác xã.

9. Tổ chức giám sát và đánh giá hiệu quả Chiến lược

Tổ chức theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ đánh giá hằng năm, sơ kết 5 năm, tổng kết 10 năm về tình hình thực hiện Chiến lược trên địa bàn tỉnh theo quy định và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 1382/QĐ-BNN-TCLN ngày 15/4/2022 về ban hành Bộ chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

10. Xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, các sở, ngành, địa phương hằng năm xây dựng chương trình, đề án và dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện lồng ghép với các chương trình, dự án có liên quan trên địa bàn để huy động tối đa nguồn lực của địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp cho hoạt động, nhằm nâng cao hiệu quả của chương trình, đề án đảm bảo đạt được các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

11. Nguồn vốn thực hiện

a) Huy động nguồn vốn

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện Kế hoạch,

bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định, gồm:

- Vốn ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.
- Vốn lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.
- Vốn tín dụng từ tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài.
- Thu từ dịch vụ môi trường rừng và cho thuê môi trường rừng.
- Đầu tư, đóng, ủng hộ, tài trợ từ tổ chức, cá nhân.
- Thu từ khai thác lâm sản, cho thuê rừng, thực hiện nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.
- Nguồn tài chính khác theo quy định.

b) Định hướng sử dụng hiệu quả các nguồn vốn thực hiện Kế hoạch

- Vốn ngân sách nhà nước: Tập trung cho đối tượng rừng đặc dụng, phòng hộ, rừng tự nhiên là rừng sản xuất trong thời gian đóng cửa rừng; đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phương tiện phục vụ quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; xây dựng khu nghiên cứu phát triển, khu công nghệ cao; nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quản lý nhà nước về lâm nghiệp; hỗ trợ đầu tư và ưu đãi đầu tư các lĩnh vực, hoạt động lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư và các hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực lâm nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm gỗ và lâm sản theo quy định của pháp luật; huy động các nguồn huy động đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân, các thành phần kinh tế. Tiếp tục nghiên cứu mở rộng các nguồn thu cho ngành lâm nghiệp.

- Đẩy mạnh nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, khai thác các tiềm năng, các dịch vụ mới để tăng nguồn thu, đặc biệt là dịch vụ du lịch sinh thái, các dịch vụ hấp thụ các-bon,..; tăng cường tuyên truyền, vận động, tạo cơ chế phù hợp để huy động tổ chức, cá nhân đầu tư vào lâm nghiệp; bảo vệ và phát triển rừng; phát triển cây xanh.

(chi tiết các nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch tại phụ lục kèm theo).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các cơ quan

a) Sở Nông nghiệp và PTNT

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan của tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai Kế hoạch này; phân công nhiệm vụ cụ

thể cho các đơn vị chuyên môn của Sở và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp của Trung ương và tỉnh đã ban hành. Đồng thời nghiên cứu đề xuất ban hành một số cơ chế chính sách của tỉnh để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả Kế hoạch Phát triển Lâm nghiệp của tỉnh giai đoạn 2021-2030.

- Xây dựng các chương trình, đề án, dự án trọng điểm phát triển lâm nghiệp phù hợp với đặc điểm và thế mạnh của từng địa phương.

- Chủ trì, phối hợp triển khai công tác thu thập, tổng hợp báo cáo các chỉ số; thực hiện hiệu quả công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược trên địa bàn. Định kỳ tổng hợp kết quả giám sát và đánh giá thực hiện Chiến lược, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Thường xuyên đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện Kế hoạch, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh. Trường hợp các chính sách, định hướng, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Trung ương, của tỉnh có thay đổi, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng kế hoạch điều chỉnh hoặc thay thế cho phù hợp với từng thời kỳ.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công trung hạn, hằng năm để thực hiện Kế hoạch này.

- Tham mưu thực hiện tổ chức xúc tiến, kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Tài chính

- Hướng dẫn quản lý, sử dụng nguồn ngân sách để triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch; tham mưu, đề xuất phân bổ nguồn kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp của tỉnh và chính sách của Trung ương kịp thời, đảm bảo quy định.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành, địa phương có liên quan rà soát trình cấp có thẩm quyền xem xét ban hành quy định (điều chỉnh, bổ sung, thay thế nếu có) về các cơ chế, chính sách tài chính phù hợp, đúng quy định để đảm bảo thực hiện Kế hoạch.

- Căn cứ điều kiện ngân sách hằng năm tham mưu, đề xuất cấp thẩm quyền ưu tiên bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động của hệ thống quản lý ngành lâm nghiệp của tỉnh trong năm Kế hoạch phù hợp, đảm bảo quy định hiện hành.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong việc thực hiện giao đất gắn với giao rừng theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức rà soát, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật về đất đai, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch này.

đ) Sở Công Thương

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành xây dựng và triển khai các chính sách, giải pháp về phát triển công nghiệp chế biến lâm sản, xúc tiến thương mại quảng bá sản phẩm, tìm kiếm mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm chế biến từ lâm sản nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân sản xuất, kinh doanh lâm sản phù hợp với từng thời kỳ và quy định hiện hành.

- Phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội gỗ và lâm sản trên địa bàn tỉnh để nắm bắt tình hình dự báo về thông tin thị trường lâm sản.

- Hỗ trợ doanh nghiệp lĩnh vực lâm nghiệp thực hiện các mô hình liên kết chuỗi giá trị sản phẩm trong sản xuất, phân phối nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm, năng suất lao động, phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế.

e) Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp, hướng dẫn Sở Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan liên quan nghiên cứu đặt hàng, ưu tiên, khuyến khích triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về lĩnh vực lâm nghiệp.

g) Các sở, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị gắn với thực hiện nhiệm vụ các nội dung nhiệm vụ Kế hoạch này.

h) UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo đạt hiệu quả.

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng kế hoạch giao đất, cho thuê đất gắn với giao rừng, cho thuê rừng, cấp giấy chứng nhận sử dụng đất lâm nghiệp; quản lý chặt chẽ tình hình sử dụng rừng và đất lâm nghiệp đảm bảo thống nhất, đồng bộ quy định của pháp luật về đất đai và lâm nghiệp.

- Chỉ đạo các ban, ngành liên quan của huyện, UBND cấp xã triển khai thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch sản xuất lâm nghiệp và công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn. Cân đối nguồn ngân sách địa phương, bố trí, lồng ghép các nguồn vốn khác để triển khai, hỗ trợ các chương trình, dự án, mô hình trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Nghiên cứu, xây dựng ban hành cơ chế chính sách huy động nguồn lực của địa phương và vốn ngoài ngân sách phù hợp điều kiện của địa phương để thực

hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Kế hoạch; thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, nhiệm vụ với Kế hoạch.

- Chỉ đạo tổ chức, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định về Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Báo cáo kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai với các sở, ngành có liên quan, UBND tỉnh để có biện pháp tháo gỡ, tạo điều kiện để các huyện, thành phố thực hiện tốt các nhiệm vụ, định hướng đề ra.

i) Các công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh, Sông Kôn, Quy Nhơn: Căn cứ vào phương án quản lý rừng bền vững đã được UBND tỉnh phê duyệt và phương án kinh doanh của đơn vị tổ chức thực hiện tốt các nội dung của Kế hoạch Chiến lược.

2. Chế độ báo cáo

Định kỳ đánh giá hàng năm (trước ngày 10/12), sơ kết 5 năm, tổng kết 10 năm các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược và đề xuất các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện Kế hoạch về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT theo quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
I	TỔ CHỨC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC				
1	Tuyên truyền, phổ biến Luật lâm nghiệp và các văn bản liên quan về chính sách quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; chế biến và thương mại lâm sản; Kế hoạch thực hiện Chiến lược của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan; chính quyền địa phương các cấp	Hàng năm	Hàng năm
II	TIẾP TỤC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH ĐÃ BAN HÀNH; RÀ SOÁT, ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, XÂY DỰNG MỚI CÁC CHÍNH SÁCH				
1	Tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành; Luật Lâm nghiệp 2017, các văn bản hướng dẫn thi hành luật Lâm nghiệp 2017	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan; chính quyền địa phương các cấp	Hàng năm	Hàng năm
2	Tổ chức rà soát các hoạt động lâm nghiệp của tỉnh để đề xuất ban hành chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư đặc thù, nhằm tạo động lực phát triển kinh tế, ổn định xã hội và đảm bảo an toàn môi trường, huy động đa dạng các nguồn lực cho phát triển lâm nghiệp nói chung và phát triển lâm nghiệp gắn với giảm nghèo bền vững ở các vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc thiểu số nói riêng.			Hàng năm	2021-2030
3	Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu			Hàng năm	2021-2030

	thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2019-2025	2			
4	Xây dựng và ban hành Chính sách hỗ trợ phát triển trồng rừng cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2022-2026			2022	2022-2026
III	TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP QUỐC GIA; QUY HOẠCH TỈNH BÌNH ĐỊNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050; CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, PHƯƠNG ÁN, DỰ ÁN, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH				
1	Rà soát, cung cấp số liệu quy hoạch, kế hoạch lâm nghiệp tỉnh Bình Định để tích hợp, xây dựng, triển khai hiệu quả quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan	2021-2022	2021-2030
2	Triển khai Tiểu Dự án Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan	2021-2022	2021-2030
3	Xây dựng, triển khai hiệu quả Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	2021-2030
4	Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan		2021-2030

	Ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020-2025 tại Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4547/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	3			
5	Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, phương án về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt như: Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035; Xây dựng và thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan		2021-2025;2026-2030
IV	TỔ CHỨC TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP				
1	Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng				
1.1	Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng, đảm bảo an ninh nguồn nước; hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích ngoài lâm nghiệp	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	2021-2030

1.2	Hoàn thành việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, bảo đảm tất cả diện tích rừng và đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp phải được giao, cho thuê đến những chủ rừng thực sự	4 Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2	Phát triển rừng				
2.1	Phát triển vùng rừng trồng cung cấp nguyên liệu tập trung, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.2	Phục hồi rừng tự nhiên bằng các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, nuôi dưỡng và làm giàu rừng	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.3	Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng sản xuất theo hướng tối ưu hóa hệ thống sản xuất và chuỗi giá trị lâm sản thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.4	Phát triển hệ thống rừng đặc dụng, bảo tồn và phát huy giá trị nguồn gen cây rừng, tài nguyên rừng và đa dạng sinh học; duy trì và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	2021-2030
3	Sử dụng rừng				
3.1	Tiếp tục chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên đến năm 2030, không khai thác gỗ từ rừng tự nhiên; sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học, các nguồn gen, loại sinh vật và hệ sinh thái rừng	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	2021-2030

3.2	Nghiên cứu phương án khai thác hợp lý rừng phòng hộ là rừng trồng sau năm 2025	5 Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan	2025	2025-2030
4	Phát triển sản xuất, chế biến sâu các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ có giá trị, thế mạnh của từng vùng	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT; Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	2021-2030
V	BỔ TRÍ, HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÀNH LÂM NGHIỆP				
1	Đa dạng nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện Kế hoạch, đảm bảo huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định, trong đó có tham mưu, đề xuất cấp thẩm quyền các biện pháp, giải pháp nhằm tăng cường vận động, tạo cơ chế huy động các nguồn đầu tư, đóng góp, hỗ trợ, tài trợ hợp pháp từ các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước vào lĩnh vực lâm nghiệp, bảo vệ và phát triển rừng, phát triển cây xanh; đồng thời tham mưu, đề xuất sử dụng hiệu quả các nguồn vốn bố trí được bố trí hằng năm để thực hiện Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2	Cân đối bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho ngành lâm nghiệp theo các cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn thực hiện Kế hoạch.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
3	Hướng dẫn quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho lĩnh vực lâm nghiệp theo các cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn thực hiện Kế hoạch	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030

VI XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐỒNG BỘ VÀ HIỆN ĐẠI HÓA NGÀNH LÂM NGHIỆP					
1	Phát triển hệ thống đường lâm nghiệp gắn kết với tuyến đường phục vụ công tác tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng kết hợp phục vụ du lịch sinh thái, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân cũng như phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp kết hợp của người dân trong khu vực	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2	Tăng cường nâng cao năng lực, cơ sở vật chất cho việc theo dõi, giám sát tài nguyên rừng; trang thiết bị và các công trình phòng cháy, chữa cháy rừng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan; Chủ rừng	Hàng năm	2021-2030
3	Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng logistics, kho bãi phục vụ phát triển sản xuất, bảo quản và chế biến lâm sản	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan; Chủ rừng	Hàng năm	2021-2030
VII PHÁT TRIỂN, ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHUYẾN LÂM					
1	Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, chế biến sâu, tiết kiệm nguyên liệu; khuyến khích phát triển các vật liệu mới thay thế gỗ, kết hợp gỗ nhựa, gỗ kim loại,...	Các doanh nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2022-2030
2	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (GIS, Mapinfo) cho lực lượng Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng để phục vụ công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn toàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các tổ chức, cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030

VIII TỔ CHỨC SẢN XUẤT KINH DOANH, TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC					
1	Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý lĩnh vực lâm nghiệp; tăng cường lực lượng kiểm lâm địa bàn và lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, ưu tiên khu vực trọng điểm về phá rừng, khai thác và vận chuyển lâm sản trái pháp luật	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; chủ rừng; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
2	Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và các tổ chức đào tạo thực hiện hợp tác và hỗ trợ trong đào tạo, nâng cao kỹ năng cho lao động của doanh nghiệp	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công thương; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
3	Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty lâm nghiệp; phát triển lâm nghiệp hộ gia đình, trang trại, cộng đồng dân cư thôn và hợp tác xã	Các công ty TNHH lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
IX TỔ CHỨC GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CHIẾN LƯỢC					
1	Theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược, Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm	Hàng năm
2	Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược, Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm; 5 năm; 10 năm	Hàng năm; 5 năm; 10 năm

